

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**

Tháng 08 năm 2019

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần PIV là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PIV JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: PIV.,JSC

Trụ sở của Công ty tại số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là PIV.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Tuấn Anh

Chủ tịch HĐQT

Bà Nhữ Thị Kim Thu

Thành viên

Ông Triệu Văn Hại

Thành viên

#### **Ban kiểm soát**

Bà Từ Thị Hương

Trưởng Ban – Bổ nhiệm ngày 15/05/2019

Bà Trịnh Thị Liên

Trưởng Ban – Miễn nhiệm ngày 15/05/2019

Bà Đặng Thị Nụ

Thành viên

Bà Trương Thị Nhung

Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Quang

Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/07/2019

Ông Triệu Văn Hại

Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 01/07/2019

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty trong kỳ cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu, kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Trương Tuấn Anh**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019*



Số: 720/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019  
của Công ty Cổ phần PIV**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần PIV**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần PIV, được lập ngày 23 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Khoản bù trừ công nợ 3 bên giữa: Công ty Cổ phần PIV, Công ty HH Mậu dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây và Công ty HH Công nghệ Hoa Điện với số tiền là 3.198.257,52 USD (tương đương với 73.700.148.589 đồng); Công ty Cổ phần PIV, Công ty HH Xinshen Thẩm Quyển và Công ty Thắng Lợi Hồng Kông với số tiền là 7.393.756,80 USD (tương đương với 170.277.327.077 đồng) đã tất toán số dư đến ngày 31/12/2018. Tại thời điểm 30/06/2019, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc bù trừ công nợ này, không đánh giá được việc bù trừ, xóa nợ này có đúng đắn và phù hợp hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.11 phần thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng số thuế phải nộp của công ty đến ngày 30/06/2019 là 6.734.398.623 đồng. Đây là các khoản thuế đã tồn tại từ những năm trước mà Công ty chưa có khả năng về tài chính để thực hiện nghĩa vụ nộp cho ngân sách Nhà nước.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Theo đó, kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến chủ yếu ở các vấn đề sau:

- Công nợ người mua trả tiền trước và phải trả người bán chưa được đối chiếu. Đến thời điểm 30/06/2019, các khoản công nợ này đã tất toán.
- Giá trị hợp lý của giao dịch mua lại khoản đầu tư của các cá nhân vào Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà. Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đã chính thức giao dịch trên sàn upcom từ ngày 31/01/2019 (mã BOT). Tại thời điểm 30/06/2019 giá giao dịch bình quân của mã BOT trên sàn upcom là 55.390 đồng/cổ phiếu.
- Khoản ủy thác đầu tư của bà Trịnh Huyền Trang và Phạm Thị Mai Hương với số tiền lần lượt là 38.000.000.000 đồng và 17.105.628.100 đồng. Các khoản ủy thác đầu tư trên được thu hồi hết đến thời điểm 30/06/2019 và đã đầu tư vào Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà.



**Phan Huy Thắng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký

Hành nghề Kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.609.900.499</b>	<b>111.324.401.582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>254.693.225</b>	<b>199.716.320</b>
1. Tiền	111		254.693.225	199.716.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.175.114.634</b>	<b>110.808.331.705</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	2.905.670.331	16.817.835.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	688.120.535	38.677.194.129
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	2.665.693.000	55.903.321.100
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.05	(2.084.369.232)	(609.610.165)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	19.590.751
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>140.877.962</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.06	-	140.877.962
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>180.092.640</b>	<b>175.475.595</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		180.092.640	175.475.595
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>159.113.971.215</b>	<b>54.881.186.175</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>244.528.525</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	244.528.525
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.512.691.215</b>	<b>2.935.036.111</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.07	2.512.691.215	2.935.036.111
- Nguyên giá	222		5.672.635.204	5.672.635.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.159.943.989)	(2.737.599.093)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
<b>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.08</b>	<b>156.601.280.000</b>	<b>51.700.352.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		156.601.280.000	51.700.352.000
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>1.269.539</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.269.539
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>163.723.871.714</b>	<b>166.205.587.757</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.964.682.647</b>	<b>7.960.625.912</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.964.682.647</b>	<b>7.960.625.912</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.09	-	511.179.189
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	-	544.838.897
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	6.734.398.623	6.734.398.623
4. Phải trả người lao động	314		48.245.451	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	90.072.375	124.571.465
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	1.046.328.460	-
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>155.759.189.067</b>	<b>158.244.961.845</b>
<b>II. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>155.759.189.067</b>	<b>158.244.961.845</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		173.249.420.000	173.249.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		173.249.420.000	173.249.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(261.600.000)	(261.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		443.972.144	443.972.144
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.157.200	35.157.200
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.707.760.277)	(15.221.987.499)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.221.987.499)	9.300.352.947
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.485.772.778)	(24.522.340.446)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>163.723.871.714</b>	<b>166.205.587.757</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Vũ Mạnh Hùng

Vũ Mạnh Hùng

Trương Tuấn Anh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

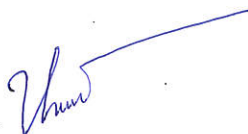
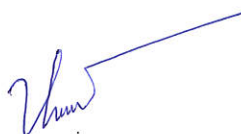
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	10.012.508.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	10.012.508.803
4. Giá vốn hàng bán	11		-	8.898.852.781
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		-	1.113.656.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.01	33.388	12.466.218.891
7. Chi phí tài chính	22	6.02	6.690.384	5.643.890.079
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	966.919.978
8. Chi phí bán hàng	25		(45.396.285)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.03	2.361.909.348	6.182.776.752
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.323.170.059)</b>	<b>1.753.208.082</b>
11. Thu nhập khác	31		20.885	-
12. Chi phí khác	32		162.623.604	483.392.962
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.04</b>	<b>(162.602.719)</b>	<b>(483.392.962)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(2.485.772.778)</b>	<b>1.269.815.120</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.115.612.426
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(2.485.772.778)</b>	<b>154.202.694</b>
18. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70		(83)	9

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT


Vũ Mạnh Hùng

Vũ Mạnh Hùng

Trương Tuấn Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13.912.165.559	42.628.811.736
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(565.072.689)	(9.492.510.073)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(283.783.299)	(773.486.793)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.690.384)	(966.919.978)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	76.665.506.643	158.000.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.660.892.389)	(631.976.955)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>80.061.233.441</b>	<b>30.921.917.937</b>
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(132.752.970.384)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.700.352.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.388	627.967
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(81.052.584.996)</b>	<b>627.967</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.046.328.460	38.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.687.677.752)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>1.046.328.460</b>	<b>(30.687.677.752)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>54.976.905</b>	<b>234.868.152</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>199.716.320</b>	<b>273.756.371</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	202.358
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>254.693.225</b>	<b>508.826.881</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

Người lập



Vũ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Vũ Mạnh Hùng

Chủ tịch HĐQT



Trương Tuấn Anh



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần PIV là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PIV JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: PIV.,JSC

Trụ sở của Công ty tại số 11/18/199, đường Hồ Tùng Mậu, Tổ 3, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 173.249.420.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là PIV.

**Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Cung cấp vật liệu, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng, kinh doanh các thiết bị y tế; (Chính)
- Dịch vụ thẩm định giá
- Dịch vụ xác định giá trị doanh nghiệp
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản trong phạm vi sau đây: môi giới, tư vấn, đấu giá, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá tài sản;
- Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm);
- Tư vấn đấu thầu (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế);
- Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp, không bao gồm sản xuất phim);
- Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình, lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình;
- Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng.
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Vận tải đường bộ và vận tải đường ống;
- Dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vật liệu xây dựng, thang máy;
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Báo cáo soát xét này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.



Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các thành viên góp vốn.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	153.287.895	381.088
Tiền gửi ngân hàng	101.405.330	199.335.232
<b>Cộng</b>	<b>254.693.225</b>	<b>199.716.320</b>

**5.02 Phải thu khách hàng**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Thảo Hiền	-	17.354.493
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	12.159.824.955
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	1.219.220.331	1.219.220.331
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.686.450.000
Phải thu khách hàng khác	-	1.734.986.111
<b>Cộng</b>	<b>2.905.670.331</b>	<b>16.817.835.890</b>

**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Dịch vụ Đường cao tốc Việt Nam	400.000.000	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	14.503.000.000
Ông Ngô Tiến Cường	-	11.990.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương	-	5.334.072.366
Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị	-	3.513.444.424
Công ty TNHH Lâm Nam	-	1.842.633.754
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	-	646.253.585
Công ty Cổ phần Trung Tín	233.120.535	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY	55.000.000	-
Các khách hàng khác	-	447.790.000
<b>Cộng</b>	<b>688.120.535</b>	<b>38.677.194.129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.04 Phải thu ngắn và dài hạn khác**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>2.665.693.000</b>	-	<b>55.903.321.100</b>	-
Tạm ứng	-	-	770.000.000	-
Bà Trịnh Huyền Trang (i)	-	-	38.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Mai Hương (ii)	-	-	17.105.628.100	-
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (iii)	2.638.000.000	-	-	-
Phải thu khác	27.693.000	-	27.693.000	-
<b>Phải thu khác dài hạn</b>	-	-	<b>244.528.525</b>	-
Ký cược ký quỹ	-	-	244.528.525	-
<b>Cộng</b>	<b>2.665.693.000</b>	-	<b>56.392.378.150</b>	-

(i) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho bà Trịnh Huyền Trang theo hợp đồng số 01/2017-UTĐT ngày 25/12/2017 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/06/2018. Khoản phải thu này đã được tất toán tại ngày 31/12/2018.

(ii) Là khoản phải thu về ủy thác đầu tư cho bà Phạm Thị Mai Hương theo hợp đồng số 03/2017-UTĐT ngày 25/12/2017 và phụ lục hợp đồng số 03 ngày 25/06/2018. Khoản phải thu này đã được tất toán tại ngày 31/12/2018.

(iii) Là khoản công ty trả thừa cho bà Hương khi chuyển nhượng cổ phần của Công ty BOT Cầu Thái Hà (theo thuyết minh số 5.08).

**5.05 Nợ xấu**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	1.291.220.331	903.854.232	1.291.220.331	609.610.165
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	1.686.450.000	1.180.515.000	1.686.450.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.977.670.331</b>	<b>2.084.369.232</b>	<b>2.977.670.331</b>	<b>609.610.165</b>

**5.06 Hàng tồn kho**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	-	-	79.639.318	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	61.238.644	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>140.877.962</b>	-



## 5.07 Tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị : VND			
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	3.636.363.636	1.672.363.636	363.907.932	5.672.635.204
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	<u>3.636.363.636</u>	<u>1.672.363.636</u>	<u>363.907.932</u>	<u>5.672.635.204</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2019	1.731.601.757	756.545.422	249.451.914	2.737.599.093
Tăng trong kỳ	259.740.264	119.454.540	43.150.092	422.344.896
Khấu hao trong kỳ	259.740.264	119.454.540	43.150.092	422.344.896
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2019	<u>1.991.342.021</u>	<u>875.999.962</u>	<u>292.602.006</u>	<u>3.159.943.989</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.904.761.879</u>	<u>915.818.214</u>	<u>114.456.018</u>	<u>2.935.036.111</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>1.645.021.615</u>	<u>796.363.674</u>	<u>71.305.926</u>	<u>2.512.691.215</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

### 5.08 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

#### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần BOT Cầu Cầu Thái Hà (1)

Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy (2)

Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (3)

#### Cộng

30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
156.601.280.000	-	-	-
-	-	41.500.352.000	-
-	-	10.200.000.000	-
<b>156.601.280.000</b>	<b>-</b>	<b>51.700.352.000</b>	<b>-</b>

(1) Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1301/2019/HĐCNCPP-PIV-CN ngày 13/01/2019, sửa đổi hợp đồng số 0701/2019/HĐCNCPP-PIV-CN, bà Nguyễn Thị Lan Hương chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần PIV 2.200.000 cổ phần với giá 34.000 đồng/Cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 74.800.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1101/2019/HĐCNCPP-PIV-CN ngày 11/01/2019, sửa đổi hợp đồng số 0601/2019/HĐCNCPP-PIV-CN ngày 06/01/2019 ông Ngô Tiến Cường chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần PIV 1.750.000 cổ phần với giá 34.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị cổ phần chuyển nhượng là 59.500.000.000 đồng. Ngoài ra trong tháng 6/2019, Công ty Cổ phần PIV thực hiện mua thêm 415.800 cổ phần của Công ty BOT Cầu Cầu Thái Hà (Mã BOT) theo hình thức giao dịch khớp lệnh. Tại ngày phát hành báo cáo này, giá cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Cầu Thái Hà đang được giao dịch trên sàn Upcom là 55.200 đồng/cổ phần.

(2) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 95/2018/NQ-HĐQT-PIV ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV về thu hồi các khoản ủy thác đầu tư, thu hồi vốn đầu tư tại công ty liên kết, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2512/2018/PIV-NVT ngày 25/12/2018 và phụ lục hợp đồng số 3112/2018/PLHĐ/PIV-NVT giữa Công ty Cổ phần PIV và ông Nguyễn Văn Tỉnh về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần PIV tại Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy cho ông Nguyễn Văn Tỉnh. Theo đó Công ty Cổ phần PIV chuyển nhượng 1.729.182 cổ phần tại Công ty Cổ phần Trường Lưu Thủy với giá 24.000 đồng/cổ phần tổng giá trị chuyển nhượng 41.500.352.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Tỉnh. Số tiền chuyển nhượng nói trên đã được thu hồi trong tháng 01/2019.

(3) Căn cứ Nghị quyết hội đồng quản trị số 22/2019/NQ-HĐQT-PIV ngày 14 tháng 06 năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PIV về việc thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư trong đó có khoản góp vốn tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát số tiền 10.200.000.000 đồng và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1706/2019/CNCP/PIV-TDS ngày 17/06/2019. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng toàn bộ khoản vốn góp nói trên cho cá nhân ông Trần Đình Sang. Toàn bộ số tiền chuyển nhượng nói trên đã thu hồi trong tháng 6/2019 và được đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Cầu Thái Hà.

**5.08 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Thông tin bổ sung cho các khoản đầu tư tại ngày 30/06/2019

	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng Cổ phần
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	10.91%	10.91%	4.365.800

**5.09 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ số 9	-	-	231.872.400	231.872.400
Các khách hàng khác	-	-	279.306.789	279.306.789
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>511.179.189</b>	<b>511.179.189</b>

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Vui chơi Giải trí Thể thao Hà Nội	-	150.000.000
Khách hàng khác	-	394.838.897
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>544.838.897</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>6.734.398.623</b>	-	-	<b>6.734.398.623</b>
Thuế GTGT	904.229.290	-	-	904.229.290
Thuế TNDN	4.814.547.979	-	-	4.814.547.979
Thuế TNCN	48.446.202	-	-	48.446.202
Các loại thuế khác	879.359.272	3.000.000	3.000.000	879.359.272
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	87.815.880	-	-	87.815.880



**5.12 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	42.090.810	42.090.810
Bảo hiểm xã hội	10.264.617	40.147.087
Bảo hiểm y tế	1.811.403	6.788.408
Bảo hiểm thất nghiệp	805.068	444.683
Phải trả, phải nộp khác	35.100.477	35.100.477
<b>Cộng</b>	<b>90.072.375</b>	<b>124.571.465</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kể từ ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	01/01/2019 (VND)		Phát sinh trong kỳ (VND)		30/06/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân						
Nguyễn Văn Tỉnh	-	-	1.046.328.460	-	1.046.328.460	1.046.328.460
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.046.328.460</b>	<b>-</b>	<b>1.046.328.460</b>	<b>1.046.328.460</b>

(\*) Khoản vay cá nhân ông Nguyễn Văn Tỉnh để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty theo hợp đồng 01/HĐVT/PIV-NVT ngày 10/01/2019 lãi suất 0%.

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị: VND

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn Cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	9.300.352.947	182.767.302.291
Tăng trong năm	-	-	-	-	(24.522.340.446)	(24.522.340.446)
Lợi nhuận sau thuế năm	-	-	-	-	(24.522.340.446)	(24.522.340.446)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(15.221.987.499)	158.244.961.845
Số dư tại 01/01/2019	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(15.221.987.499)	158.244.961.845
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(2.485.772.778)	(2.485.772.778)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	(2.485.772.778)	(2.485.772.778)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	173.249.420.000	(261.600.000)	443.972.144	35.157.200	(17.707.760.277)	155.759.189.067

ĐẠI HỌ TÊN TÊN CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	<b>30/06/2019</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>(%)</b>	<b>Cổ phần</b>	<b>(%)</b>
America LLC	1.485.800	8,58%	1.596.900	9,22%
Bà Hoàng Thị Hoài	1.638.500	9,46%	1.638.500	9,46%
Các cổ đông khác	14.200.642	82,96%	14.089.542	81,32%
<b>Cộng</b>	<b>17.324.942</b>	<b>100%</b>	<b>17.324.942</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	173.249.420.000	173.249.420.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	173.249.420.000	173.249.420.000
<b>Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>17.324.942</b>	<b>17.324.942</b>
Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>17.324.942</b>	<b>17.324.942</b>
Cổ phiếu phổ thông	17.324.942	17.324.942
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>
<b>(đồng/cổ phiếu)</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.01 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	33.388	627.967
Lãi tiền hàng do khách hàng trả chậm	-	7.854.687.423
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	4.610.903.501
<b>Cộng</b>	<b>33.388</b>	<b>12.466.218.891</b>

**6.02 Chi phí hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	-	966.919.978
Chi phí mua cổ phần BOT	6.690.384	-
Lãi mua hàng trả chậm	-	2.987.379.068
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	1.689.591.033
<b>Cộng</b>	<b>6.690.384</b>	<b>5.643.890.079</b>

**6.03 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	366.566.959	803.329.967
Chi phí khấu hao TSCĐ	422.344.896	422.344.896
Thuế, phí, lệ phí	12.197.376	8.359.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.961.877	1.463.217.585
Chi phí khác bằng tiền	79.173	39.866.027
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.474.759.067	3.445.659.244
<b>Cộng</b>	<b>2.361.909.348</b>	<b>6.182.776.752</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ( TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**6.04 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Thu nhập khác	20.885	-
Thu nhập khác	20.885	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>162.623.604</b>	<b>483.392.962</b>
Xử lý tồn kho	61.238.644	-
Chi phí phân bổ thừa	79.639.318	-
Kết chuyển chi phí tài sản thiếu	19.590.751	-
Lãi nộp chậm bảo hiểm	2.154.891	-
Chi phí khác	-	483.392.962
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(162.602.719)</b>	<b>(483.392.962)</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.01 Giao dịch với các bên liên quan**

		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
	Mối quan hệ	
<b>Giao dịch mua cổ phần Công ty BOT Cầu Thái Hà</b>		
Ông Ngô Tiến Cường	Anh trai Ông Ngô Tiến Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	47.510.000.000
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	Ảnh hưởng đáng kể	22.301.280.000

**7.02 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh cho Bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được lấy từ báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Vũ Mạnh Hùng

Vũ Mạnh Hùng

Trương Tuấn Anh